SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG; Thời gian ký: 04/04/2024 14:59:22 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 571 /QĐ-UBND	*Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; Nghị định số 30/2021/NĐ- CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2022-2026 và năm 2022;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 886/TTr-SXD ngày 20/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu trình phê

duyệt. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện; thường xuyên theo dõi việc thực hiện, kịp thời tham mưu đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ đầu tư dự án nhà ở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo TH, Đài PT và TH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT(Khương).

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Phạm Văn Trọng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 571 /QĐ-UBND ngày 02 / 4 /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 trong giai đoạn 2022-2026; cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh đã được duyệt.

- Làm cơ sở để triển khai các bước chuẩn bị đầu tư và quỹ đất để đầu tư các dự án phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Dự báo nguồn vốn, huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển nhà ở, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chú trọng giải quyết nhu cầu nhà ở cho công nhân; người có thu nhập thấp; người nghèo, người có công với cách mạng; cán bộ, công chức, viên chức; học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch phát triển nhà ở phải bám sát các nội dung Chương trình phát triển nhà ở tỉnh đến năm 2030 và Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2022-2026 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Xác định vị trí, khu vực phát triển nhà ở, số lượng, quy mô dự án phát triển nhà ở; xác định được tỷ lệ, số lượng, diện tích các loại nhà ở cần đầu tư xây dựng, trong đó có nhà ở để cho thuê tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

- Nội dung Kế hoạch phải đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2024

1. Các chỉ tiêu về phát triển nhà ở

1.1. Chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người, diện tích nhà ở tối thiểu

- Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh năm 2024 phấn đấu đạt 31,01 m^2/người, trong đó tại khu vực đô thị là 31,83 m^2/người, khu vực nông thôn là 30,87 m^2/người.

- Chỉ tiêu diện tích nhà ở tối thiểu đến năm 2024 đạt 10 m² sàn/người.

1.2. Chỉ tiêu về tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm:

Tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm trong năm 2024 trên địa bàn toàn tỉnh là 2.522.884 m² sàn nhà ở, tương ứng khoảng 24.283 căn, trong đó:

+ Nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư: Tổng diện tích sàn hoàn thành là: 284.951 m², tương ứng khoảng 1.070 căn. Tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển các dự án mới để có sản phẩm từ năm 2024 nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân trong giai đoạn 2022-2026 và 2026-2030.

+ Nhà ở xã hội: Hoàn thành 629 căn hộ, tương đương 31.034 m^2 sàn nhà ở xã hội. Tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển các dự án mới để có sản phẩm từ năm 2024 nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân trong giai đoạn 2022-2026 và 2026-2030, đồng thời hoàn thành kế hoạch thực hiện Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030" trên địa bàn tỉnh.

+ Diện tích sàn hoàn thành của hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng là: 2.206.899 m^2, tương ứng khoảng 22.584 căn.

Bảng 1. Các chỉ tiêu về phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang năm 2024

STT	Loại hình nhà ở	Số căn (căn)	Diện tích (m^2 sàn)
1	Nhà ở thương mại	1.070	284.951
2	Nhà ở xã hội	629	31.034
3	Nhà ở công vụ	0	0
4	Nhà ở dân tự xây	22.584	2.206.899
Tổng cộng		**24.283**	**2.522.884**

1.3. Nhu cầu về nguồn vốn phát triển nhà ở:

Dự báo trong năm 2024, toàn tỉnh cần khoảng 23.041,18 tỷ đồng để xây dựng hoàn thành các loại nhà ở, cụ thể như sau:

- Vốn xây dựng nhà ở thương mại từ nguồn vốn mời gọi đầu tư là 2.824,09 tỷ đồng;

- Vốn xây dựng nhà ở xã hội từ nguồn vốn mời gọi đầu tư là 200,54 tỷ đồng;

- Vốn của các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng là 20.016,55 tỷ đồng.

Bảng 2. Nhu cầu nguồn vốn phát triển nhà ở năm 2024

STT	Loại hình nhà ở	Quy mô (m^2 sàn)	Nguồn vốn (tỷ đồng)
1	**Nhà ở thương mại, khu đô thị, khu nhà ở**	**284.951**	**2.824,09**
2	**Nhà ở xã hội**	**31.034**	**200,54**
-	Nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp	*0*	*0*
-	Nhà ở cho công nhân	*31.034*	*200,54*
3	**Nhà ở công vụ**	**0**	**0**
4	**Nhà ở dân tự xây**	**2.206.899**	**20.016,55**
Tổng cộng		**2.522.884**	**23.041,18**

1.4. Nhu cầu về quỹ đất phát triển nhà ở:

Dự báo trong năm 2024, toàn tỉnh cần tiếp tục bố trí quỹ đất khoảng 21,68 ha đất để xây dựng hoàn thành các loại nhà ở, cụ thể như sau:

- Quỹ đất để xây dựng nhà ở thương mại là 10,55 ha;

- Quỹ đất để xây dựng xây dựng nhà ở xã hội là 11,13 ha;

Bảng 3. Nhu cầu bố trí quỹ đất năm 2024 theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Đơn vị hành chính	Loại hình nhà ở		Ghi chú
		Nhà ở thương mại	Nhà ở xã hội	
1	Thành phố Mỹ Tho	-	2,21	
2	Thị xã Gò Công	-	2,05	
3	Thị xã Cai Lậy	8,48	0,47	
4	Huyện Tân Phước	-	0,09	
5	Huyện Cái Bè	-	0,29	
6	Huyện Cai Lậy	-	0,30	
7	Huyện Châu Thành	-	4,94	
8	Huyện Chợ Gạo	0,97	0,37	

9	Huyện Gò Công Tây	0,52	0,20	
10	Huyện Gò Công Đông	0,43	0,16	
11	Huyện Tân Phú Đông	0,15	0,05	
Tổng cộng		**10,55**	**11,13**	

2. Vị trí, khu vực phát triển nhà ở

- Vị trí, khu vực dự kiến phát triển nhà ở: *Chi tiết tại Phụ lục 1, 2, 3.*

- Phát triển nhà ở do dân tự xây: Khuyến khích phát triển nhà ở theo dự án, trong quá trình triển khai thực hiện có thể điều chỉnh, bổ sung danh mục phát triển nhà ở theo dự án để đảm bảo chỉ tiêu phát triển chung.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1.1. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở; hướng dẫn, đôn đốc và giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với trường hợp vượt thẩm quyền;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện của các địa phương và chủ đầu tư; đồng thời tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo định kỳ;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chấp thuận chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư dự án nhà ở xã hội theo quy định;

- Công bố công khai, minh bạch nhu cầu và quỹ đất để phát triển nhà ở trên trên địa bàn tỉnh.

1.2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối chi thường xuyên ngân sách địa phương, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Xây dựng, tổng hợp các chỉ tiêu về phát triển nhà ở của tỉnh vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm của tỉnh. Phối hợp với Sở Xây dựng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển nhà ở trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án bất động sản để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

1.4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội phù hợp với kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh được phê duyệt;

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát quỹ đất đã giao cho các chủ đầu tư để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất đối với các dự án chậm triển khai hoặc không thực hiện để giao cho các chủ đầu tư khác thực hiện đáp ứng yêu cầu tiến độ;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát lại các quỹ đất đã giao cho các chủ đầu tư xây dựng nhà ở đã và đang triển khai thực hiện để cập nhật kế hoạch sử dụng đất hàng năm phù hợp với Kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt.

1.5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Mặt trận Tổ quốc tỉnh tiếp tục rà soát nhu cầu nhà ở của các hộ chính sách, hộ nghèo cần hỗ trợ nhà ở trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

1.6. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Tiền Giang

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia quản lý nguồn vốn và quản lý việc sử dụng nguồn vốn để phát triển nhà ở xã hội cho các hộ gia đình nghèo, cận nghèo, người có thu nhập thấp và hộ gia đình người có công với cách mạng.

1.7. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan đánh giá, xác định nhu cầu về nhà ở của công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp để có cơ sở lập và triển khai các dự án phát triển nhà ở dành cho công nhân khu công nghiệp;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án nhà ở phục vụ khu công nghiệp được giao quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư.

1.8. Ủy Ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang

Tổ chức kêu gọi tài trợ, ủng hộ cho các quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa,... để hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách, đối tượng đặc biệt

khó khăn.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Tổ chức, chỉ đạo triển khai kế hoạch phát triển nhà ở và thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn. Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà trên địa bàn và gửi Sở Xây dựng để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất;

- Rà soát và lựa chọn quỹ đất phù hợp quy hoạch để giới thiệu địa điểm thực hiện các dự án phát triển nhà ở, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Tổ chức cấp phép xây dựng nhà ở tại khu vực đô thị theo phân cấp thực hiện và phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng nhà ở sau cấp phép, xử lý các trường hợp xây dựng nhà ở trái phép, không phép theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án nhà ở

- Triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở theo đúng nội dung và tiến độ đã được phê duyệt;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan;

- Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan gửi ý kiến phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC 1:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI ĐANG TRIỂN KHAI

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô						
			Tổng diện tích (ha)	Sản phẩm thương mại					
				Nhà chung cư		Nhà riêng lẻ		Đất nền	
				Số căn	DT sàn (m2)	Số căn	DT sàn (m2)	Số lô	DT đất (m2)
	TOÀN TỈNH		**166,16**	**350**	**32.558**	**6.225**	**1.592.723**	**380**	**36.737**
I	**Thành phố Mỹ Tho**		**23,12**	**-**	**-**	**812**	**310.944**	-	-
1	Khu dân cư dọc sông Tiền (giai đoạn 1)	Phường 1, 4, 6	7,31			262	99.776		
2	Khu dân cư An Hòa	Xã Đạo Thạnh	9,3489			304	125.025		
3	Đường D7 và khu dân cư 2 bên đường	Xã Trung An	6,16			214	80.080		
4	EZ HOME	Xã Tân Mỹ Chánh	0,30			32	6.063		
II	**Thị xã Gò Công**		**74,06**	**350**	**32.558**	**2.766**	**770.638**	-	-
1	Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường	Phường 4	7,71			261	79.109		
2	Đường Trương Định và khu dân cư hai bên đường giai đoạn 3	Phường 5	9,17			385	115.000		
3	Đường Nguyễn Trãi nối dài và khu dân cư hai bên đường, thị xã Gò Công	Phường 3	8,15			262	30.988		
4	Khu dân cư Làng nghề Tân Trung	Xã Tân Trung	1,20			65	7.187		
5	Đường và khu dân cư hai bên đường Vành đai phía Động - đoạn 1	Xã Long Hưng	10,88			373	102.348		
6	Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp	Phường 4	22,70	350	32.558	566	230.024		
7	Đường và khu dân cư hai bên đường kênh Bến Xe	Xã Long Hưng, Phường 3	14,15			508	124.172		

8	Đường và khu dân cư hai bên đường Vành đai phía Đông - đoạn 2	Xã Long Thuận	9,1			346	81.810		
III	**Thị xã Cai Lậy**		**18,78**	**-**	**-**	**834**	**160.344**	**-**	**-**
1	Đường số 4 và khu dân cư 2 bên đường	Phường 4, Phường Nhị Mỹ, xã Long Khánh	18,31			807	75.268		
2	Khu dân cư Phường 1, thị xã Cai Lậy	Phường 1	0,47			27	85.076		
IV	**Huyện Tân Phước**		**4,56**	**-**	**-**	**102**	**30.719**	**-**	**-**
1	Khu dân cư Zen Garden Village	Xã Thạnh Mỹ	4,56			102	30.719		
V	**Huyện Cái Bè**		**18,79**	**-**	**-**	**748**	**83.776**	**-**	**-**
1	Đường Lộ Gòn và khu dân cư hai bên đường (từ đường Lê Thị Kim Chi đến Quốc lộ 1)	Xã An Cư và xã Đông Hòa Hiệp	18,79			748	83.776		
VI	**Huyện Châu Thành**		**26,85**	**-**	**-**	**963**	**236.302**	**380**	**36.737**
1	Khu dân cư nông thôn mới Vĩnh Kim (Khu A)	Xã Vĩnh Kim	9,89			427	120.377		
2	Khu dân cư An Phú Giang	Xã Tân Lý Đông	4,88			283	27.551		
3	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Đông Long Giang	Xã Tân Lý Đông	4,90			212	75.090		
4	Chợ Tân Lý Đông (giai đoạn 2)	Xã Tân Lý Đông	0,56			41	13.284		
5	Khu dân cư TMDV Bắc Kim Thang	Xã Tam Hiệp	6,78					341	34.100
6	Hạ tầng khu dân cư Tân Phú Hương	Xã Tân Hương	0,4					39	2.637

PHỤ LỤC 2:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI ĐANG TRIỂN KHAI

STT	Dự án	Địa điểm	Quy mô				
			Tổng diện tích (ha)	Sản phẩm nhà xã hội			
				Nhà chung cư		Nhà riêng lẻ	
				Số căn	DT sàn (m2)	Số căn	DT sàn (m2)
	TOÀN TỈNH		**2,369**	**1.169**	**68.038**		
I	**Thị xã Gò Công**		**0,95**	**540**	**37.004**		
1	Khu nhà ở xã hội đường Nguyễn Trọng Dân	Phường 4	0,95	540	37.004		
II	**Huyện Châu Thành**		**1,419**	**629**	**31.034**		
1	Nhà ở xã hội KCN Tân Hương	Xã Tân Hương	1,419	629	31.034		

PHỤ LỤC 3:
DANH MỤC VỊ TRÍ DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NHÀ Ở

STT	Dự án	Địa điểm
I	**Thành phố Mỹ Tho**	
1	Khu Thương mại phức hợp và Dịch vụ y tế Tiền Giang	Xã Phước Thạnh
2	Khu dân cư Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Xã Trung An
3	Đường Nguyễn Công Bình nối dài và Khu dân cư hai bên đường (từ đường Phạm Hùng đến đường tỉnh 870)	xã Trung An
4	Đường vành đai 1 và khu dân cư hai bên đường	Phường 5, Phường 6
5	Đường kết nối phía Tây thành phố và khu dân cư hai bên đường	Xã Phước Thạnh, xã Trung An
6	Đường Hùng Vương nối dài và khu dân cư hai bên đường	Xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho; xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo; xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành
7	Khu đô thị Đông Bắc, thành phố Mỹ Tho	Xã Đạo Thạnh
8	Khu đô thị Mỹ Hưng, thành phố Mỹ Tho	Xã Mỹ Phong
9	Khu dân cư kinh đê Hùng Vương	Xã Trung An
10	Khu dân cư thương mại xã Mỹ Phong	Xã Mỹ Phong
11	Khu dân cư thương mại, dịch vụ hai bên bờ kênh Xáng Cụt	Phường 6
12	Khu đô thị mới phía Tây Bắc, thành phố Mỹ Tho	Xã Đạo Thạnh
13	Chung cư cao tầng Northwest City	Phường 10
14	Trung tâm thương mại dịch vụ tỉnh Tiền Giang (thuộc Quảng trường Trung tâm tỉnh Tiền Giang)	Xã Đạo Thạnh
15	Khu nhà ở xã hội Nguyễn Tri Phương	Phường 7
16	Thiết chế của công đoàn tỉnh Tiền Giang	Xã Trung An

II	**Thị xã Gò Công**	
1	Khu nhà ở xã hội đường Nguyễn Trãi nối dài	Xã Long Hưng
2	Khu nhà ở xã hội Phường 5	Phường 5
3	Khu dân cư Long Thuận 1	Xã Long Thuận
4	Khu dân cư Long Thuận 2	Xã Long Thuận
5	Khu dân cư Rạch Cầu Huyện	Phường 2 và xã Long Thuận
6	Khu đô thị Phường 5	Phường 5
7	Khu dân cư Bình Đông	Xã Bình Đông
8	Khu đô thị Gò Công Central	Xã Long Hưng
9	Khu đô thị Long Hưng	Xã Long Hưng
10	Khu đô thị Tân Thành	Xã Long Hòa
11	Khu đô thị Long Hòa	Xã Long Hòa
12	Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường (giai đoạn 2)	Xã Long Chánh
13	Khu dân cư Bảo Gia Phát	Xã Bình Đông
14	Khu dân cư KLC Tân Trung	Xã Tân Trung
15	Khu đô thị Long Hòa	Xã Long Hòa
16	Khu tái định cư Bình Đông	Xã Bình Đông
III	**Thị xã Cai Lậy**	
1	Khu dân cư thương mại Mỹ Phú	Xã Long Khánh
2	Khu dân cư Mỹ Lợi	Phường Nhị Mỹ
3	Khu dân cư Mỹ Phú (giai đoạn 2)	Xã Long Khánh, Phường 4, Phường 5
4	Đường số 1 và khu dân cư hai bên đường	Phường 4, Phường 5 và xã Long Khánh
5	Khu đô thị Tam Long	Phường 5
6	Xây mới chợ Tân Hội kết hợp khu dân cư	Xã Tân Hội

7	Đường Cao Đăng Chiếm nối dài và khu dân cư 02 bên đường	Phường Nhị Mỹ
IV	**Huyện Tân Phước**	
1	Chợ và khu phố chợ Tân Lập 1	Xã Tân Lập 1
2	Khu dân cư Khu phố 3, thị trấn Mỹ Phước	Thị trấn Mỹ Phước
3	Khu dân cư Tân Lập 1	Ấp 3, xã Tân Lập 1
4	Khu dân cư FarmStay Trung Kiên Tân Phước	Ấp Mỹ Thiện, xã Thạnh Mỹ
5	Khu dân cư Thạnh Mỹ	Xã Thạnh Mỹ
6	Khu dân cư biệt thự vườn Trung Kiên Tân Phước	Ấp Mỹ Hòa, xã Thạnh Mỹ
7	Khu dân cư 1 xã Phú Mỹ	Xã Phú Mỹ
8	Khu dân cư 2 xã Phú Mỹ	Xã Phú Mỹ
9	Khu dân cư Phú Xuân	Xã Phú Mỹ
10	Khu tái định cư của Khu công nghiệp Tân Phước 1	Xã Tân Lập 1
11	Khu tái định cư của Khu công nghiệp Tân Phước 2	Xã Tân Lập 2
V	**Huyện Cái Bè**	
1	Khu dân cư và chợ Cái Bè	Thị trấn Cái Bè, xã Hòa Khánh
2	Khu dân cư Chợ An Hữu	Xã An Hữu
3	Mở rộng khu dân cư Chợ Thiên Hộ (giai đoạn 2)	Xã Hậu Mỹ Bắc A
4	Khu dân cư An Ninh	Xã Thiện Trí
VI	**Huyện Cai Lậy**	
1	Khu đô thị mới huyện Cai Lậy phía Đông sông Bình Long	Thị trấn Bình Phú
2	Khu đô thị mới huyện Cai Lậy phía Tây sông Bình Long	Thị trấn Bình Phú
3	Nhà ở thương mại trung tâm hành chính huyện Cai Lậy, giai đoạn 1	Thị trấn Bình Phú
VII	**Huyện Châu Thành**	
1	Khu dân cư nông thôn mới Vĩnh Kim (Khu B)	Xã Vĩnh Kim

2	Khu dân cư chợ Dưỡng Điềm	Xã Dưỡng Điềm
3	Khu dân cư thương mại dịch vụ Thân Đức	Xã Thân Cửu Nghĩa
4	Khu đô thị mới và chợ Tân Hiệp	Xã Thân Cửu Nghĩa
5	Khu dân cư Tam Hiệp	Xã Tam Hiệp
VIII	**Huyện Chợ Gạo**	
1	Khu dân cư Thạnh Lợi	xã Long Bình Điền
IX	**Huyện Gò Công Tây**	
1	Khu dân cư thương mại và dịch vụ huyện Gò Công Tây trên tuyến Đường tránh Thị trấn Vĩnh Bình	Thị trấn Vĩnh Bình
2	Khu đô thị mới thị trấn Vĩnh Bình	Thị trấn Vĩnh Bình
3	Khu dân cư Đồng Sơn	Xã Đồng Sơn
X	**Huyện Gò Công Đông**	
1	Khu dân cư ven sông Long Uông	Thị trấn Tân Hòa
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	
1	Khu nhà ở thương mại cặp đường D7 tại khu Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh
2	Khu nhà ở thương mại cặp đường D8 tại khu Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh
3	Khu nhà ở thương mại cặp đường N9 (phía Tây) tại khu Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh
4	Khu nhà ở thương mại cặp đường N9 (phía Đông) tại khu Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh
5	Khu nhà ở thương mại cặp đường N13 và N9 tại khu Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh
6	Chợ và Khu phố chợ xã Phú Thạnh	Xã Phú Thạnh

PHỤ LỤC 4:
CHỈ TIÊU DIỆN TÍCH NHÀ Ở BÌNH QUÂN TỈNH TIỀN GIANG NĂM 2024

STT	Đơn vị	Dân số (người)	DTBQ (m^2 sàn/người)	Diện tích (m^2)
	TOÀN TỈNH	**1.796.083**	**31,01**	**55.704.184**
	Khu vực đô thị	*275.385*	*31,83*	*8.766.727*
	Khu vực nông thôn	*1.520.698*	*30,87*	*46.936.371*
1	Thành phố Mỹ Tho	232.776	27,63	6.432.017
2	Thị xã Gò Công	101.643	38,22	3.885.106
3	Thị xã Cai Lậy	127.890	34,50	4.412.307
4	Huyện Tân Phước	66.814	32,67	2.183.078
5	Huyện Cái Bè	297.936	25,44	7.580.261
6	Huyện Cai Lậy	196.184	31,14	6.109.488
7	Huyện Châu Thành	268.673	31,83	8.573.749
8	Huyện Chợ Gạo	190.746	30,54	5.825.087
9	Huyện Gò Công Tây	129.570	36,06	4.672.443
10	Huyện Gò Công Đông	140.962	31,49	4.438.751
11	Huyện Tân Phú Đông	42.889	36,39	1.560.899

PHỤ LỤC 5:
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2024 THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

STT	Đơn vị hành chính	Số căn	Diện tích sàn (m^2)	Ghi chú
	Toàn tỉnh	**24.283**	**2.522.884**	
	Nhà ở thương mại	1.070	284.951	
	Nhà ở xã hội	629	31.034	
	Nhà ở công vụ	0	0	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	22.584	2.206.899	
1	**Thành phố Mỹ Tho**	**1.706**	**154.518**	
	Nhà ở thương mại	39	13.922	
	Nhà ở xã hội	-	-	
	Nhà ở công vụ	-	-	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	1.667	140.596	
2	**Thị xã Gò Công**	**1.064**	**119.102**	
	Nhà ở thương mại	115	34.845	
	Nhà ở xã hội	-	-	
	Nhà ở công vụ	-	-	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	949	84.257	
3	**Thị xã Cai Lậy**	**1.592**	**154.995**	
	Nhà ở thương mại	-	-	
	Nhà ở xã hội	-	-	
	Nhà ở công vụ	-	-	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	1.592	154.995	
4	**Huyện Tân Phước**	**874**	**86.613**	
	Nhà ở thương mại	-	-	
	Nhà ở xã hội	-	-	
	Nhà ở công vụ	-	-	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	874	86.613	
5	**Huyện Cái Bè**	**2.455**	**244.471**	
	Nhà ở thương mại	-	-	
	Nhà ở xã hội	-	-	
	Nhà ở công vụ	-	-	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	2.455	244.471	
6	**Huyện Cai Lậy**	**3.430**	**333.748**	

	Nhà ở thương mại	-	-	
	Nhà ở xã hội	-	-	
	Nhà ở công vụ	-	-	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	3.430	333.748	
7	**Huyện Châu Thành**	**5.168**	**687.456**	
	Nhà ở thương mại	916	236.184	
	Nhà ở xã hội	629	31.034	
	Nhà ở công vụ	-	-	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	3.623	420.238	
8	**Huyện Chợ Gạo**	**3.848**	**328.324**	
	Nhà ở thương mại	-	-	
	Nhà ở xã hội	-	-	
	Nhà ở công vụ	-	-	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	3.848	328.324	
9	**Huyện Gò Công Tây**	**1.924**	**190.627**	
	Nhà ở thương mại	-	-	
	Nhà ở xã hội	-	-	
	Nhà ở công vụ	-	-	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	1.924	190.627	
10	**Huyện Gò Công Đông**	**1.686**	**169.070**	
	Nhà ở thương mại	-	-	
	Nhà ở xã hội	-	-	
	Nhà ở công vụ	-	-	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	1.686	169.070	
11	**Huyện Tân Phú Đông**	**539**	**54.961**	
	Nhà ở thương mại	-	-	
	Nhà ở xã hội	-	-	
	Nhà ở công vụ	-	-	
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	539	53.961	